TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 30/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thủy
2. Bà Phạm Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên toà số 17/2019/TB ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn L, (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn L, (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị N1 trình bày:

Chị N1 và anh Nguyễn Trung N đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/6/2002 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh N cờ bạc, rượu chè, đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị N1 xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

*Về con chung: Chị N1 và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 01/12/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P và cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về chia tài sản, nợ chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trung N vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N cố tình lẩn tránh, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị N1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Nguyễn Trung N, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Nguyễn Trung N có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, (nay là thôn T), xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trung N vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N1 và anh Nguyễn Trung N đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/6/2002 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh N cờ bạc, rượu chè, đánh đập chị; vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến để hòa giải, nhưng anh N không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh N cũng không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý chí muốn hàn gắn, đoàn tụ cùng với chị N1. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị N1, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N1 là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Xét nguyện vọng của chị N1 về việc muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Thu P, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 01/12/2010, HĐXX thấy: Các cháu P, L là người chưa thành niên, rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, trong đơn nguyện vọng gửi Tòa án, các cháu P, L đều xin ở với mẹ, vì anh N thường xuyên vắng nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N đến hòa giải về vấn đề con chung, nhưng anh N không đến và cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến về việc nuôi con. Do đó, cần giao các cháu Nguyễn Thu P và Nguyễn P L cho chị N1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N1 không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị N1 không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị N1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N1 được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

2. Về nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 29/8/2005 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 01/12/2010 cho chị Bùi Thị N1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp

theo biên lai số AA/2017/0002194 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị N1 đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Bùi Thị N1, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trung N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND p. M, tp Y, tỉnh Yên Bái
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy